

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77 /2025/HSST

Ngày: 28-11-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thái.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Toàn

Bà Nguyễn Thị Phương Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thái Trâm Anh, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Huỳnh Công Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 57/2025/TLST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2025/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 11 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lê Quang T**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không có; Sinh ngày: 30/12/1968 tại Đà Nẵng; Nơi ĐKHTT: phường H, thành phố Đà Nẵng; Chỗ ở hiện nay: Không xác định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Số CCCD: không có; con ông Lê Quang T1 và bà Huỳnh Thị V

Tiền sự: Không

Tiền án:

+ Ngày 10/4/1989, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 45.

+ Ngày 17/9/1989, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng xử phạt 05 năm tù về tội “Trốn khỏi nơi giam” theo Bản án số 114/HSST

+ Ngày 31/3/1992, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 31

+ Ngày 13/10/1994, Tòa án phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 15 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản của công dân” theo Bản án số 533

+ Ngày 25/10/1996, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng xử phạt 10 năm tù về các tội “Cướp giật tài sản của công dân”, “Trộm cắp tài sản của công dân” và “Chống người thi hành công vụ” theo Bản án số 208/HSST

+ Ngày 30/6/2009, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xử phạt 07 năm tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 149/2009/HSST

+ Ngày 15/5/2017, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xử phạt 07 năm tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 79/2017/HSPT.

Lê Quang T bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/10/2024, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Nguyễn Hữu L**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: không có; Sinh ngày: 04/5/1963 tại tỉnh Quảng Nam; Nơi ĐKKHKT và cư trú: thôn M, phường H, thành phố Đà Nẵng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: không; Số CCCD: 049063006522; con ông Nguyễn Hữu K và bà Nguyễn Thị H, có vợ là Hồ Thị C

Tiền sự: không

Tiền án:

+ Ngày 20/6/1997, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xử phạt 10 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân”.

+ Năm 1982, TAND tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng xử phạt 18 tháng tù về tội trộm cắp tài sản của công dân theo Bản án phúc thẩm số 138 ngày 11/12/1982.

+ Ngày 05/9/2011, Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xử phạt 09 tháng tù giam về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo Bản án số 65/2011/HSST

Nguyễn Hữu L bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/10/2024, có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Ngô Phi D**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: không có; Sinh ngày 01/3/1983 tại Đà Nẵng; Nơi cư trú: Tổ C, phường H, thành phố Đà Nẵng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không có; Số CCCD: 049083011375; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Con ông Ngô Phi C1 và bà Bùi Thị T2; có vợ là Phạm Thị Mỹ L1; bị cáo có 02 người con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa

4. Họ và tên: **Nguyễn Quang V1**; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: không có; Sinh ngày 05/7/1963 tại Đà Nẵng; Nơi ĐKKHKT: K P, phường H, thành phố Đà Nẵng; Chỗ ở hiện nay: Tổ B, phường H, thành phố Đà Nẵng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không có; Số CCCD số: 048063002542; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; con ông Nguyễn Văn P và bà Phan Thị B; bị cáo có 02 người con, con lớn sinh năm 1991, con nhỏ sinh năm 1993; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

* Người bị hại:

1/ Ông Phan Hữu V2 - Sinh năm 2001 - Địa chỉ: tổ A, thôn D, xã H, huyện H (cũ), nay là tổ A, thôn D, phường H, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt*

2/ Ông Ngô Trường S - Sinh năm 1975 - Địa chỉ: tổ C, thôn Đ, xã H, huyện H (cũ), nay là tổ C, thôn Đ, phường H, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt*

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Ngô Văn N - Sinh năm 1989 - Địa chỉ: tổ D, phường H, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt*

2/ Bà Nguyễn Đoàn Minh C2 - Sinh năm 1991 - Địa chỉ: tổ C, phường A, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian cuối tháng 9 năm 2024, Lê Quang T rủ Nguyễn Hữu L cùng đi trộm cắp xe mô tô bán lấy tiền tiêu xài thì L đồng ý, cả hai đã thực hiện hai vụ trộm cắp tài sản cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào chiều ngày 23/9/2024, Lê Quang T gọi điện thoại cho Nguyễn Hữu L rủ đi trộm cắp thì L đồng ý nên T điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển kiểm soát 43D1-512.73 đến đón L. Cả hai đi theo đường Q từ Miếu B về hướng C. T điều khiển xe đi vào đường bê tông thuộc thôn P, xã H, khi cách vị trí cổng chào thôn P khoảng 50 mét thì phát hiện thấy xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 43K1-465.85 của anh Phan Hữu V2 để trước nhà không có người trông coi nên T dừng xe sát lề đường và giao xe cho L cầm lái, còn T đi bộ đến xe mô tô 43D1-512.73 lấy van phá khoá đã chuẩn bị từ trước phá khoá xe, nổ máy rồi điều khiển xe chạy về hướng ngã ba Huế để tìm nơi tiêu thụ. Lê Quang Trung liên H1 với anh D1 (không rõ lai lịch) bán xe với giá 1.500.000đồng. Lê Quang T chia cho L 600.000 đồng, T giữ 900.000 đồng, toàn bộ số tiền bán xe cả hai đã tiêu xài hết.

Vụ thứ hai: Vào chiều ngày 28/9/2024, Lê Quang T điện thoại rủ Nguyễn Hữu L đi trộm cắp thì L đồng ý nên T điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ-đen, biển kiểm soát 43D1-512.73 đến đón L rồi đi tìm tài sản để lấy. Cả hai đi theo đường quốc lộ 1A từ Miếu B về hướng C (cũ). Khi đi được một đoạn khoảng 02 km đến khu vực ngã ba giao nhau giữa đường DT506 với Quốc lộ A, bên phải theo hướng di chuyển T phát hiện xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đen, biển kiểm soát

43K1-350.68 do anh Ngô Trường S làm chủ sở hữu đang dựng phía trước nhà trên vỉa hè Quốc lộ A, không có người trông coi, T liền dừng xe lại và giao xe 43D1-512.73 đang điều khiển cho L cầm lái, rồi tiến đến sát bên cạnh xe 43K1-350.68, lấy van phá khoá đã chuẩn bị từ trước phá khoá xe, nổ máy điều khiển xe Sirius vừa trộm được rồi cả hai chạy ra đường Q đi về hướng trung tâm thành phố Đà Nẵng. T tháo biển kiểm soát 43K1-350.68 của xe này vứt bỏ và gắn vào xe biển kiểm soát 43H1-034.65 do T nhặt được trước đó. Sau đó, Lê Quang T đem xe Sirius đến gặp Nguyễn Quang V1 nhờ giới thiệu người mua. Nguyễn Quang V1 đã gọi cho Ngô Phi D giới thiệu để D mua xe làm phương tiện đi làm ở trên núi. Khi D đồng ý mua thì V1 nói T để xe lại nhà V1, mai đến lấy tiền. Ngay chiều hôm sau, D đến lấy xe và đưa số tiền 1.300.000đồng cho V1, sau đó V1 đưa số tiền 1.300.000đồng lại cho T. Số tiền bán xe, T chia cho Lượng 500.000đồng, giữ 800.000đồng, toàn bộ số tiền này cả hai đã tiêu xài cá nhân hết.

Nguyễn Quang V1 và Ngô Phi D khai nhận khi được Lê Quang T giới thiệu mua xe mô tô không có giấy tờ, giá rẻ thì cũng đã nhận thức được xe này là xe gian, do phạm tội mà có được.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 46/KL-HĐGD ngày 11/10/2024 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện H (cũ) xác định: xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ - đen, số máy: 669328, số khung: 241525, biển kiểm soát 43K1-465.85, đã qua sử dụng có giá trị: 7.000.000đ (Bảy triệu đồng). Tại Bản kết luận định giá tài sản số 47/KL-HĐGD ngày 11/10/2024 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện H xác định: xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ - đen, số máy: 215617, số khung: 050168, biển kiểm soát 43K1-350.68, đã qua sử dụng có giá trị: 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

* Về dân sự: Bị hại Ngô Trường S đã nhận lại tài sản không có yêu cầu gì. Bị hại Phan Hữu V2 yêu cầu Lê Quang T và Nguyễn Hữu L bồi thường số tiền 15.000.000đồng.

* Cáo trạng số: 72/CT-VKS ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang (cũ) đã truy tố Lê Quang T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, truy tố Nguyễn Hữu L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự; truy tố Ngô Phi D và Nguyễn Quang V1 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố đề nghị: Căn cứ điểm g, khoản 2, Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự xử phạt tù từ 03 năm đến 04 năm tù đối với Lê Quang T; căn cứ khoản 1, Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, h

khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Hữu L từ 18 tháng đến 24 tháng tù; căn cứ khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt Ngô Phi D từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng và căn cứ khoản 1 Điều 323, điểm i, s, x khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Quang V1 từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng. Về dân sự: bị hại Ngô Trường S đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu nên không đề cập; chấp nhận yêu cầu buộc Lê Quang T và Nguyễn Hữu L bồi thường số tiền 15.000.000đồng của bị hại Phan Hữu V2; truy thu đối với Lê Quang T số tiền 800.000đồng, truy thu đối với Nguyễn Hữu L số tiền 500.000đồng mà cả hai đã thu lợi bất chính từ việc bán xe cho Ngô Phi D để sung công quỹ Nhà nước. Về xử lý vật chứng: Đối với 01 biển kiểm soát 43D1-512.73 và 01 biển kiểm soát 43H1-034.65: hiện chưa điều tra làm rõ được về các xe có các biển kiểm soát này nên cần giao cho Cơ quan cảnh sát điều tra quản lý và xử lý sau; đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu đồng thu giữ của Nguyễn Hữu L và 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A21s thu giữ của Lê Quang T: các bị cáo đã sử dụng các điện thoại này để liên lạc rủ nhau đi trộm cắp nên cần tịch thu sung ngân quỹ Nhà nước; tịch thu tiêu hủy đối với 01 van phá hóa bằng kim loại màu trắng, hình chữ “L”, dài 10cm, 02 thanh kim loại hình lục giác, một đầu mài đẹp, nhọn, mỗi thanh dài 04cm là công cụ phương tiện phạm tội; đối với xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đỏ - đen, số máy: 5C64243814, số khung: RLCS5C640AY243814 hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra đang tạm giữ để xác minh, xử lý sau là có cơ sở; đối với xe mô tô Yamaha Sirius màu đỏ - đen, số máy: E3X9E215617, số khung: RLCCUE3220HY050168 là tài sản Lê Quang T, Nguyễn Hữu L chiếm đoạt của ông Ngô Trường S và Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp nên không đề cập xử lý.

* Tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến đối với luận tội của Kiểm sát viên và đều ăn năn hối hận về hành vi phạm tội, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành

tổ tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tổ tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai khác và chứng cứ tài liệu có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Vào các ngày 23/9/2024 và 28/9/2024, tại thôn P và thôn Đ thuộc xã H, huyện H (cũ), thành phố Đà Nẵng, Lê Quang T, Nguyễn Hữu L đã có hành vi lén lút chiếm đoạt xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ-đen, số máy: 669328, số khung: 241525, biển kiểm soát 43K1-465.85, trị giá trị 7.000.000đồng của ông Phan Hữu V2 và chiếm đoạt xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ - đen, số máy: 215617, số khung: 050168, biển kiểm soát 43K1-350.68, trị giá 10.000.000đồng của ông Ngô Trường S. Tổng giá trị tài sản mà Lê Quang T, Nguyễn Hữu L chiếm đoạt là 17.000.000đồng. Hành vi trên đây của Nguyễn Hữu L đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Đối với Lê Quang T: tại Bản án số 79/2017/HSPT ngày 15/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã xác định Lê Quang T phạm tội thuộc trường hợp "tái phạm nguy hiểm", T phạm tội lần này khi chưa được xóa án tích của bản án trên nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm g, khoản 2, Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Nguyễn Quang V1, Ngô Phi D đều nhận thức được xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đen, gắn biển kiểm soát 43H1-034.65 có nguồn gốc từ việc phạm tội mà có, nhưng Nguyễn Quang V1 vẫn giới thiệu bán xe và Ngô Phi D vẫn đồng mua xe này để làm phương tiện đi lại. Do vậy Ngô Phi D, Nguyễn Quang V1 đã phạm vào tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy:

Các bị cáo Lê Quang T, Nguyễn Hữu L không bị hạn chế về khả năng lao động nhưng các bị cáo không chịu làm ăn lương thiện, ham hưởng thụ nên đã lựa chọn con đường chiếm đoạt tài sản của người khác để thỏa mãn nhu cầu của bản thân. Nguyễn Quang V1 và Ngô Phi D dù ý thức được tài sản do Lê Quang T bán có nguồn gốc từ việc phạm tội nhưng thay vì ngăn chặn thì lại lựa chọn tiếp tay bằng việc tiêu thụ tài sản này. Hành vi của các bị cáo không những đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương, tạo ra dư luận xấu, gây sự bức xúc trong quần chúng nhân dân nên nhất thiết phải xử lý nghiêm đối với các bị cáo.

[4] Xét vai trò và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo:

Trong những lần phạm tội tuy Lê Quang T và Nguyễn Hữu L cùng nhau thực hiện tội phạm nhưng cả hai không có sự bàn bạc thống nhất, phân công từ trước mà nhất thời nảy sinh ý định là thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, không có tổ chức. Tuy nhiên, Lê Quang T, Nguyễn Hữu L đã thực hiện 02 vụ trộm cắp nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: phạm tội từ 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; Nguyễn Hữu L phạm tội khi chưa được xóa án tích của Bản án số 138 ngày 11/12/1982 (chưa thi hành án về phần án phí) nên còn phải chịu thêm tình tiết tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Ngô Phi D và Nguyễn Quang V1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, cả 4 bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự cần xem xét khi lượng hình. Ngoài ra, Ngô Phi D và Nguyễn Quang V1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Nguyễn Quang V1 được nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến công do hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tại Campuchia, được tặng Huân chương chiến sĩ vẻ vang vì có thành tích xuất sắc trong phục vụ Q1 nên được hưởng thêm tình tiết có công với cách mạng quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xét mức hình phạt cụ thể thì thấy:

Ngô Phi D và Nguyễn Quang V1 có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, có nơi cư trú rõ ràng nên Hội đồng xét xử xét thấy không nhất thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà căn cứ Điều 65 Bộ luật hình sự cho các bị cáo hưởng án treo cũng đủ răn đe, đồng thời thể hiện được tính khoan hồng của pháp luật.

Đối với Lê Quang T và Nguyễn Hữu L: cả hai bị cáo đều có nhân thân rất xấu, đã nhiều lần bị Tòa án các cấp xét xử nhưng không biết ăn năn hối cải mà vẫn tiếp tục lao vào con đường phạm tội nên cần cách ly ra khỏi xã hội một thời gian dài để răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm. Xét trong các lần trộm cắp thì Lê Quang T là người chủ động rủ rê Nguyễn Hữu L, T cũng là người trực tiếp thực hiện hành vi và đứng ra tiêu thụ, phân chia tiền bạc, còn L giữ vai trò giúp sức, mặt khác T bị truy tố theo khung hình phạt cao hơn nên cần xét xử bị cáo T mức hình phạt cao hơn so với bị cáo L.

[5] Về tang vật thu giữ của vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, nhận thấy:

Đối với điện thoại di động hiệu Samsung, màu đồng số Imei 1: 351816101643744/01, Imei 2: 351817101643742/01 gắn sim số: 0932.596.719 thu giữ của Nguyễn Hữu L và điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A21s, màu xanh, số IMEI 1: 351662610917066, số IMEI 2: 352465210917067, gắn sim số: 0905.285.981 thu giữ của Lê Quang T: các bị cáo đã sử dụng các điện thoại này để liên lạc rủ nhau đi trộm cắp nên cần tịch thu sung ngân quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền 1.300.000đồng mà Lê Quang T và Nguyễn Hữu L thu lợi từ việc bán xe cho Ngô Phi D, đây là tiền thu lợi bất chính nên cần truy sung ngân quỹ Nhà nước số tiền này, trong đó truy thu đối với Lê Quang T là 800.000đồng, truy thu đối với Nguyễn Hữu L là 500.000đồng.

Đối với 01 van phá hóa bằng kim loại màu trắng, hình chữ “L”, dài 10cm, 02 thanh kim loại hình lục giác, một đầu mài đẹp, nhọn, mỗi thanh dài 04cm là công cụ phương tiện phạm tội nhưng không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 biển kiểm soát 43D1-512.73 và 01 biển kiểm soát 43H1-034.65: hiện chưa điều tra làm rõ được về các xe có các biển kiểm soát này; đối với xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đỏ - đen, số máy: 5C64243814, số khung: RLCS5C640AY243814 là xe máy của ông Ngô Văn N khai bị mất cắp, hiện chưa điều tra làm rõ nên cần tiếp tục giao các tài sản trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra điều tra làm rõ, xử lý sau.

Đối với xe mô tô Yamaha Sirius màu đỏ - đen, số máy: E3X9E215617, số khung: RLCCUE3220HY050168 là tài sản mà Lê Quang T, Nguyễn Hữu L chiếm đoạt của ông Ngô Trường S và Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 468, 584, 585, 587 của Bộ luật dân sự;

Bị hại Ngô Trường S đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường gì nên không đề cập. Xét yêu cầu buộc các bị cáo bồi thường số tiền 15.000.000đồng của bị hại Phạm Hữu V3 thì thấy: Xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 43K1-465.85 đã bị T và L chiếm đoạt, không thu hồi được để trả cho chủ sở hữu là ông Phạm Hữu V3, giá trị tài sản bị chiếm đoạt được hội đồng định giá xác định là 10.000.000đồng, tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo T và L đều thống nhất liên đới bồi thường cho bị hại số tiền 15.000.000đồng (chia phần mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 7.500.000 đồng) nên cần chấp nhận.

[7] Đối với nam thanh niên tên D1 - là người mua xe mô tô biển kiểm soát 43K1-465.85; đối với Chung Q là chủ sở hữu biển kiểm soát xe máy 43H1-034.65: Cơ quan điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch của những người này nên tiếp tục điều tra, xử lý sau là phù hợp.

Đối với Ngô Văn N là chủ sở hữu xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đỏ-đen, số máy: 5C64243814, số khung: RLCS5C640AY243814 mà Lê Quang T sử dụng để chở Nguyễn Hữu L thực hiện các vụ trộm cắp nhưng ông N đã bị mất trộm xe này vào ngày 03/8/2024 và không biết, không liên quan đến hành vi phạm tội của Lê Quang T, Nguyễn Hữu L; đối với Nguyễn Đoàn Minh C2 là chủ sở hữu biển kiểm soát số 43D1-512.73 mà Lê Quang T dùng để gắn lên xe mô tô dùng để thực hiện hành vi trộm cắp, tuy nhiên bà C2 đã bán xe này cho 01 người phụ nữ mua phế liệu, không rõ xe hiện ở đâu, bà C2 không biết, không liên quan đến hành vi phạm tội của Lê Quang T, Nguyễn Hữu L nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với ông Ngô Văn N, bà Nguyễn Đoàn Minh C2 là có căn cứ.

[8] Về án phí: Án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng.
Án phí dân sự sơ thẩm: bị cáo Lê Quang T, Nguyễn Hữu L phải chịu: 7.500.000đồng x 5% = 375.000đồng

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Lê Quang T, Nguyễn Hữu L phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Ngô Phi D và Nguyễn Quang V1 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

1. Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Lê Quang T**: 04 (Bốn) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày 04/10/2024.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Hữu L**: 02 (Hai) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày 04/10/2024.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 323, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Ngô Phi D**: 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 323, điểm i, s, x khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Nguyễn Quang V1**: 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao Ngô Phi D và Nguyễn Quang V1 về nơi bị cáo đang cư trú là Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Đà Nẵng để giám sát và giáo dục. Trường hợp các

bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án Hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

5. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung, màu đồng số Imei 1: 351816101643744/01, Imei 2: 351817101643742/01 gắn thuê bao số: 0932596719; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A21s, màu xanh, số IMEI 1: 351662610917066, số IMEI 2: 352465210917067, gắn sim 0905.285.981 (Theo Biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 21/7/2025 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4 - Đà Nẵng)

Giao cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ quản lý đối với 01 biển kiểm soát 43D1-512.73; 01 biển kiểm soát 43H1-034.65; 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đỏ - đen, số máy: 5C64243814, số khung: RLCS5C640AY243814 để điều tra, xử lý sau.

Truy thu số tiền thu lợi bất chính của Lê Quang T là 800.000đ (Tám trăm ngàn đồng), truy thu số tiền thu lợi bất chính của Nguyễn Hữu L là 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng) để sung ngân quỹ Nhà nước.

6. Về dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 587 của Bộ luật dân sự: Buộc Lê Quang T và Nguyễn Hữu L liên đới bồi thường cho ông Phan Hữu V2 số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). Phân chia nghĩa vụ, mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 7.500.000đ (Bảy triệu, năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì còn phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

7. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc Lê Quang T và Nguyễn Hữu L, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 375.000đ (Ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

8. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại,

người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

9. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích về án treo)

Nơi nhân:

- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND Khu vực 4;
- VKSND thành phố Đà Nẵng
- THADS thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan điều tra CATP Đà Nẵng;
- Cơ quan THAHS CATP Đà Nẵng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

DƯƠNG THỊ THÁI